

Số: 04/2020/TT-ĐHĐCĐ-CSI

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CPCK Kiến Thiết Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 29/11/2019;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty;
- Văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam;
- Căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty CPCK Kiến thiết Việt Nam.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam (“Công ty”) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty được đính kèm theo Tờ trình này).

Nội dung Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung được xây dựng dựa trên cơ sở tham chiếu Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam, Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 và nhu cầu thực tế, đặc thù trong tổ chức hoạt động, quản trị điều hành của Công ty.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HCNS, VP.HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHÓ CHỦ TỊCH



HOÀNG XUÂN HÙNG



CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
1	<p>Khoản 1.9 – Điều 1: “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p>	<p>Khoản 1.9 – Điều 1: Điều chỉnh tên luật “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p>	<p>Đỉnh chính theo Luật doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020</p>
2	<p>Khoản 1.13 – Điều 1: “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Khoản 1.13 – Điều 1: Điều chỉnh tên luật “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Đỉnh chính theo Luật doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020</p>
3	<p>Khoản 4 – Điều 9: Các quy định về cấm và hạn chế</p>	<p>Khoản 4 – Điều 9: Bổ sung xen kẽ 03 điểm: 4.3 Sử dụng một hoặc nhiều tài khoản giao dịch của mình hoặc của người khác hoặc thông đồng để thực hiện việc mua, bán chứng khoán nhằm tạo ra cung, cầu giả tạo; 4.5 Sử dụng tài khoản, tài sản của khách hàng khi không được khách hàng ủy thác hoặc trái quy định của pháp luật hoặc lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của khách hàng. 4.6 Cho người khác mượn tài khoản để giao dịch chứng khoán, đứng tên sở hữu chứng khoán hộ người khác dẫn đến hành vi thao túng giá chứng khoán.</p>	<p>Bổ sung thêm Khoản 4 – Điều 9 trong Điều lệ; do Điều 12 Luật chứng khoán 2019 bổ sung chi tiết ba điểm quy định sung so với Luật chứng khoán 2010 về hoạt động thao túng và làm giá Chứng khoán.</p>

4	<p>Điều 12: Không có</p>	<p>Điều 12: Bổ sung Khoản 5: Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24h kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>Luật doanh nghiệp 2020: Gộp hai điểm bổ sung tại Khoản 7 – Điều 127 và Khoản 5 – Điều 122</p>
5	<p>Điều 13: 5. Trường hợp giấy chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cổ phiếu có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần, thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty và cam kết chịu trách nhiệm về việc cấp lại giấy chứng nhận cổ phiếu mới.</p>	<p>Điều 13: Sửa đổi “Cổ đông” thay vì “Người sở hữu cổ phiếu” phù hợp với ngôn ngữ trong luật doanh nghiệp và bổ sung nội dung trong “Đề nghị của cổ đông”: 5. Trường hợp giấy chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đồng thời thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>- Luật doanh nghiệp 2020 bổ quy định về yêu cầu chủ sở hữu đăng thông báo về cổ phiếu bị mất, hủy hoại, hư hỏng. - Việc đưa ra bằng chứng việc sở hữu cổ phần ngoài còn có thể được xác định bằng Sổ cổ đông hoặc Danh sách cổ đông do Công ty hoặc VSD cung cấp.</p>
6	<p>Khoản 3-Điều 16: Thu hồi cổ phần 3. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Khoản 3 - Điều 16: Sửa tên điều khoản trong luật doanh nghiệp 3. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Điều 111 Loanh nghiệp 2014 tương đương Điều 112 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>Mục 1.2 – Khoản 1 – Điều 17:</p>	<p>Mục 1.2 – Khoản 1 – Điều 17: Bổ sung điều kiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng:</p> <p>a) Mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;</p> <p>b) Có phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c) Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;</p> <p>d) Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, trừ trường hợp tổ chức phát hành là công ty chứng khoán;</p> <p>e) Có cam kết và phải thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán;</p> <p>f) Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán.</p>	<p>Luật chứng khoán 2019 bổ sung Mục h. Khoản 1. Điều 15 bổ sung về điều kiện phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng. Bổ sung toàn bộ quy định này vào bên dưới mục 1.2</p>
-------------------------------------	--	--

		<p>g) Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán;</p> <p>h) Giá trị cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá không lớn hơn tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá, trừ trường hợp có bảo lãnh phát hành với cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành, phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành để hoán đổi, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;</p> <p>i) Đối với đợt chào bán ra công chúng nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án của tổ chức phát hành, cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư phải đạt tối thiểu là 70% số cổ phiếu dự kiến chào bán. Tổ chức phát hành phải có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án.</p>	
8	Mục 2.3 – Khoản 2 – Điều 17:	Mục 2.3 – Khoản 2 – Điều 17: Bổ sung điều kiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng:	Luật chứng khoán 2019 bổ sung trong Khoản 3 Điều 15 bổ sung về điều kiện phát hành trái phiếu ra công chúng. Bổ sung toàn bộ quy định này vào bên

Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng của Công ty được quy định như sau

- a) Doanh nghiệp có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;
- b) Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm;
- c) Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua;
- d) Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác;
- e) Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán

9	<p>Khoản 3 - Điều 19:</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau đây:</p>	<p>trái phiếu ra công chúng, trừ trường hợp tổ chức phát hành là công ty chứng khoán;</p> <p>f) Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;</p> <p>g) Có kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức phát hành trái phiếu theo quy định của Chính phủ về các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm và thời điểm áp dụng;</p> <p>h) Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán;</p> <p>i) Tổ chức phát hành có cam kết và phải thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.</p>	
	<p>Khoản 3 - Điều 19:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:</p>		<p>Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020: Đã bỏ điều kiện sở hữu liên tục 6 tháng, bổ sung một số tiêu tiết.</p>



10	<p>Khoản 3 - Điều 19:</p> <p>3.2 Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;</p>	<p>Khoản 3 - Điều 19:</p> <p>3.2 Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p>	
11	<p>Khoản 3 - Điều 19:</p> <p>3.5 Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ cá nhân, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp, số giấy phép thành lập và hoạt động đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần trong công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>Khoản 3 - Điều 19:</p> <p>3.5 Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp, số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý khác, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>Mục c Khoản 2 Điều 115 LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 đã bổ sung “giấy tờ pháp lý khác” hoặc “địa chỉ trụ sở” vào nội dung yêu cầu Ban kiểm soát.</p>

12	Mục 6-Khoản 3 - Điều 19:	Mục 6 - Khoản 3 - Điều 19: Mục 6 bổ sung thêm quyền cổ đông Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.	Mục 6 - Khoản 3 - Điều 19: Mục 6 bổ sung thêm quyền cổ đông Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.	Luật doanh nghiệp 2020 Khoản 3 Điều 166 đã bổ sung
13	Điều 20	Điều 20: Bổ sung Khoản 4 4. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Điều 20: Bổ sung Khoản 4 4. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Điều 119 – Luật doanh nghiệp bổ sung thông tin điều khoản so với Luật doanh nghiệp 2014
14	Điều 23: 2.2.14. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp;	Điều 23: Sửa đổi 2.2.15. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp;	Điều 23: Sửa đổi 2.2.15. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp;	Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp 2014 tương đương Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020
15	Mục 2.1.5 - Điều 24: Điều 160 Luật Doanh nghiệp	Mục 2.1.5 - Điều 24: Sửa tên điều khoản Điều 165 Luật Doanh nghiệp	Mục 2.1.5 - Điều 24: Sửa tên điều khoản Điều 165 Luật Doanh nghiệp	Điều 165 LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 thay thế cho Điều 160 LUẬT DOANH NGHIỆP 2014
16	Khoản 3 - Điều 24: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ	Khoản 3 - Điều 24: Sửa đổi Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đồng có	Khoản 3 - Điều 24: Sửa đổi Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đồng có	Sửa đổi theo Mục b) Khoản 3 Điều 10 TT96/2020: Chi tiết a) Tối thiểu 21 ngày trước

	<p>đồng có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>quyền dự họp chậm nhất hai mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.....</p>
17	<p>Mục 4.3 - Điều 26: 4.3 Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phải thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này;</p>	<p>Mục 4.3 - Điều 26: Bỏ bớt điều kiện 4.3 Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phải thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này;</p>	<p>Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020 đã bỏ bớt điều kiện cổ đông phải giữ liên tục ít nhất sáu (06) tháng</p>
18	<p>Điều 30:</p>	<p>Điều 30: Bỏ sung 10. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn người làm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế</p>	<p>Luật doanh nghiệp năm 2020 bổ sung tại Khoản 6 Điều 149</p>

		bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	
19	<p>Điều 30: Điều 147 của Luật Doanh nghiệp</p> <p>Mục 1.9 - Điều 32: Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p>Điều 30: Bổ sung Điều 151 của Luật Doanh nghiệp</p> <p>Mục 1.9 - Điều 32: Bổ sung Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>Điều 147 luật doanh nghiệp 2014 tương đương Điều 151 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Luật doanh nghiệp 2020 Bổ sung mới trong Mục i) Khoản 1 Điều 150</p>
20	<p>Mục 3.3 - Điều 34: Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p>Mục 3.3 - Điều 34: Bổ sung 3.3 Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p>	<p>Điều 153 LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 thay thế cho Điều 149 LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 Điều 138 LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 thay thế cho Điều 135 LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 Điều 167 LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 thay thế cho Điều 162 LUẬT DOANH NGHIỆP 2014.</p>
21	<p>Mục 3.3 - Điều 34: 3.3 Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p>	<p>Mục 3.3 - Điều 34: Bổ sung 3.3 Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p>	<p>Điều 153 LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 thay thế cho Điều 149 LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 Điều 138 LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 thay thế cho Điều 135 LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 Điều 167 LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 thay thế cho Điều 162 LUẬT DOANH NGHIỆP 2014.</p>

22	<p>Khoản 7 - Điều 34: 7.Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.</p>	<p>Khoản 7 - Điều 34: Bổ sung 7.Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ công ty thì cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.</p>	<p>LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 sửa đổi: Khoản 4 Điều 153: bất cứ cổ đông nào cũng có quyền thay vì cổ đông sở hữu từ 1% mới có quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định của HĐQT.</p>
23	<p>Mục 4 - Khoản 4 - Điều 36: Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh chị em ruột, anh em rể, chị em dâu của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;</p>	<p>Mục 4 - Khoản 4 - Điều 36: Bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh em rể, chị em dâu của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;</p>	<p>LUẬT DOANH NGHIỆP 2020: K23 điều 14: Người liên quan còn thêm kiểm soát viên và người đại diện pháp luật, anh rể em rể chị em dâu của người quản lý, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu vốn góp hay cổ phần chi phối.</p>
24	<p>Khoản 6 - Điều 36: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Khoản 6 - Điều 36: Bổ sung Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Luật doanh nghiệp 2020 Điều 115 đã bỏ điều kiện nắm giữ liên tục 06 tháng</p>
25	<p>Mục 4.1 - Khoản 4 - Điều 37: Không phải là người đang làm việc cho công ty, công</p>	<p>Mục 4.1 - Khoản 4 - Điều 37: Bổ sung Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ</p>	<p>LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 bổ sung: Khoản 2 Điều 155</p>

	ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;	hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;	Bổ sung điều kiện thành viên độc lập HĐQT phải không là người đang làm việc cho Công ty mẹ hoặc đã làm việc cho Công ty mẹ trong 03 năm gần nhất.
26	Mục 4.5 - Khoản 4 - Điều 37: Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.	Mục 4.5 - Khoản 4 - Điều 37: Bổ sung Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.	Luật doanh nghiệp 2020, Mục đ) Khoản 2 Điều 155 bổ sung: Thành viên độc lập HĐQT không được tham gia HĐQT liên tục quá hai nhiệm kỳ
27	Điều 39: Không có	Khoản 2 - Điều 39: Bổ sung Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.	Luật doanh nghiệp 2020 bổ sung tại Khoản 2 – Điều 156
28	Khoản 4 - Điều 39: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các	Khoản 5 - Điều 39: Tương đương Khoản 4 Điều lệ 2019 và bổ sung Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc,	Luật doanh nghiệp 2020 bổ sung tại Khoản 4 Điều 156



	<p>thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>trón khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Khoản 11 Luật doanh nghiệp 2020 điều chỉnh tương đương khoản 10 Điều 153 – Luật doanh nghiệp 2014</p>
29	<p>Mục 15.2 - Khoản 15 - Điều 40</p> <p>Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều 153 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Mục 15.2 - Khoản 15 - Điều 40: Sửa</p> <p>Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Khoản 11 Luật doanh nghiệp 2020 Bổ sung: Khoản 2 - Điều 158</p>
30	<p>Khoản 19 - Điều 40: Không có</p>	<p>Khoản 19 - Điều 40: Bổ sung</p> <p>19. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định như dưới đây thì biên bản này họp có hiệu lực:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự</p>	<p>Khoản 11 Luật doanh nghiệp 2020 Bổ sung: Khoản 2 - Điều 158</p>

		<p>họp và lý do;</p> <p>đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p>	
31	<p>Điều 47: Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty (Đối với công ty con là công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ).</p>	<p>Khoản 6 - Điều 47: Bổ sung Không được là người có quan hệ gia đình (bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;</p>	<p>LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 bổ sung điều kiện đối với GD TGD công ty đại chúng tại Khoản 22 Điều 4 và Khoản 5 Điều 162</p>
32	<p>Điều 47: Không có</p>	<p>Khoản 3 - Điều 47: Bổ sung</p>	<p>LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 bổ sung điều kiện đối với GD/TGD công ty đại</p>

		<p>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</p>	<p>chúng tại Khoản 22 Điều 4 và Khoản 5 Điều 162</p>
<p>33</p>	<p>Khoản 3 - Điều 50: Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn theo nguyên tắc bầu dồn phiếu quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: 1.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; 1.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; 1.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 3 - Điều 50: Sửa đổi + Bổ sung Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn theo nguyên tắc bầu dồn phiếu quy định tại Điều 148 Luật doanh nghiệp. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: 1.4. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; 1.5. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; 1.6. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 148 LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 điều chỉnh tương đương Điều 144 LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 bổ sung theo Khoản 2 – Điều 168</p>
<p>34</p>	<p>Mục 1.3 -Khoản 1 - Điều 52: Bổ sung Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo</p>	<p>Mục 1.3 -Khoản 1 - Điều 52: Bổ sung 1.1. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo</p>	<p>LUẬT DOANH NGHIỆP 2020: Bổ sung ý tại Khoản 3 Điều 170</p>

	<p>cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</p>	<p>cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>	
35		<p>Khoản 2 - Điều 54: Bổ sung Được đào tạo một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p>	<p>LUẬT DOANH NGHIỆP bổ sung 2 điều kiện và sửa đổi 1 điều kiện. Bổ sung theo quy định cũ của LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 + LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 để làm rõ hơn điều kiện Kiểm soát viên.</p>
36	<p>Khoản 2 - Điều 54: Không được giữ các chức vụ quản lý công ty;</p>	<p>Khoản 3 - Điều 54: Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;</p>	<p>Bổ mục 6 Điều lệ cũ do LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 điều 164 đã được sửa đổi trong LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 điều 169 – Khoản 2 Bổ sung theo quy định cũ của LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 + LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 để</p>

			làm rõ hơn điều kiện KSV. Luật doanh nghiệp 2020 quy định mở rộng khái niệm người có quan hệ gia đình và mở rộng thêm người đại diện phân vốn của công ty vào đối tượng quy định không được làm Kiểm soát viên Công ty tại Khoản 22 Điều 4
37	<p>Khoản 3 - Điều 54: Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác</p>	<p>Khoản 4 - Điều 54: Không phải người có quan hệ gia đình (bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty, người đại diện phân vốn của công ty.</p>	
38	<p>Khoản 4 - Điều 54: Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.</p>	<p>Khoản 5 - Điều 54: Tương đương Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.</p>	Điều chỉnh thứ tự Khoản trong Điều
39	<p>Khoản 5 - Điều 54: 5. Kiểm soát viên phải đáp ứng không thuộc các trường hợp sau: 5.1 Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; 5.2 Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liên trước đó.</p>	Bộ điều kiện này	Bỏ Khoản 5 Điều lệ cũ do LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 Điều 164 đã được sửa đổi trong LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 Điều 169 – Khoản 2
40	<p>Khoản 1 - Điều 54: quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy</p>	<p>Khoản 1 - Điều 57: quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định</p>	Điều 164 LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 điều chỉnh

	định pháp luật khác.	pháp luật khác.	cho Điều 159 LUẬT DOANH NGHIỆP 2014
41	Điều 61: Không có	Mục 1.3 - Khoản 1 - Điều 61: Bổ sung Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm: 1.3.1 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; 1.3.2 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;	LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 đã có nhưng điều lệ chưa ghi (tham chiếu theo Mục c, Khoản 1, Điều 167 LUẬT DOANH NGHIỆP 2020
42	Khoản 2 - Điều 61: Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;	Khoản 2 - Điều 61: Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;	Bổ sung theo ngôn ngữ quy định tại Khoản 4 Điều 167 LUẬT DOANH NGHIỆP 2020
43	Khoản 3 - Điều 61: Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các trường hợp quy định tại Điểm 1.2 Khoản 1 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng	Khoản 3 - Điều 61: Bổ sung mục 3.2 và điều chỉnh Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây: 3.1 Hợp đồng, giao dịch khác ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.	LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 bổ sung: Theo Mục b) Khoản 3 Điều 167. Vi vậy bổ sung thêm mục 3.2 Tỷ lệ 65% tổng số cổ phiếu

	<p>quản trị và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu còn lại đồng ý;</p>	<p>3.2 Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>Trường hợp chấp thuận hợp đồng giao dịch theo quy định tại Khoản 3.1 và 3.2 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu còn lại đồng ý;</p>	<p>còn lại được quy định cao hơn LUẬT DOANH NGHIỆP2020 đối với lấy ý kiến bằng văn bản (50%) và đại hội trực tiếp là 65% tổng phiếu biểu quyết của người dự họp, nhưng phù hợp và ko có ND sửa đổi giữa hai luật</p>
--	--	--	--

